

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Số 255 Ngày 28/01/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 333/SXD-QH ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Cẩm Thủy).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Cẩm Thủy, gồm 01 thị trấn và 16 xã. Ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Bắc: giáp huyện Thạch Thành;
- + Phía Đông: giáp huyện Vĩnh Lộc và Thạch Thành;
- + Phía Tây: giáp huyện Bá Thước;
- + Phía Nam: giáp huyện Ngọc Lặc và Yên Định.

- Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 424,5km².

2. Tính chất vùng

Là huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, là một trong những trung tâm dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại khu vực Tây Bắc của tỉnh, có vai trò hỗ trợ và kết nối với các khu vực phụ cận thông qua hai hành lang phát triển kinh tế của tỉnh là đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 217.

3. Dự báo quy mô dân số

- Dân số hiện trạng năm 2021 là 110.805 người, (Dân số đô thị: 18.303 người; dân số nông thôn: 92.502 người). Tỷ lệ đô thị hóa 16,5%.

- Dự báo dân số đến năm 2025 khoảng 115.000 người, (Dân số đô thị: 22.000 người; dân số nông thôn: 93.000 người). Tỷ lệ đô thị hóa 19,1%.

- Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 120.000 người. (Dân số đô thị: 45.000 người; dân số nông thôn: 75.000 người). Tỷ lệ đô thị hóa 37,5%.

- Dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 138.000 người. (Dân số đô thị: 63.000 người; dân số nông thôn: 75.000 người). Tỷ lệ đô thị hóa 45,7%.

4. Dự báo sử dụng đất đai

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.000 ha – 1.150 ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 1.150 ha – 1.300 ha.

(Chỉ tiêu trung bình khoảng: 250-300 m²/người).

5. Định hướng phát triển không gian vùng

5.1. Mô hình phát triển không gian vùng

Mô hình phát triển không gian vùng: “Hai hành lang - Ba vùng phát triển”.

- Hai hành lang phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 217 (là hai hành lang phát triển kinh tế của tỉnh). Cụ thể như sau:

+ Hành lang phát triển theo đường Hồ Chí Minh - là hành lang kinh tế theo hướng Bắc - Nam của tỉnh Thanh Hóa (đoạn từ Cẩm Tú đến thị trấn Phong Sơn và Cẩm Châu);

+ Hành lang phát triển theo Quốc lộ 217 - Là hành lang kinh tế theo hướng Đông - Tây của tỉnh Thanh Hóa (đoạn từ Cẩm Tân đi Cẩm Thành).

- Phát triển ba tiểu vùng, gồm:

+ Vùng trung tâm, bao gồm thị trấn Phong Sơn và các xã: Cẩm Châu, Cẩm Bình, Cẩm Giang, Cẩm Tú);

+ Vùng phía Tây Bắc, bao gồm Đô thị Cẩm Lương và các xã: Cẩm Liên, Cẩm Thành, Cẩm Quý);

+ Vùng Đông Nam, bao gồm Đô thị Cẩm Tân và các xã: Cẩm Ngọc, Cẩm Long, Cẩm Phú, Cẩm Yên, Cẩm Tâm, Cẩm Vân).

Để tăng cường mối liên hệ, hỗ trợ phát triển, ba trục kết nối được xác định bổ sung, gồm:

+ Trục kết nối phát triển phía Đông (theo đoạn nối QL217B - QL217 – QL47B của tuyến đường quy hoạch Minh Sơn – Thành Minh), kết nối xã Cẩm Vân, đô thị Cẩm Tân, Cẩm Phú và Cẩm Long;

+ Trục kết nối phát triển phía Tây Bắc – Đông Nam theo đường tỉnh 518 hiện có (Đường 47B theo quy hoạch) và đoạn 518 kéo dài, kết nối các xã Cẩm Vân, Cẩm Tâm, Cẩm Châu và Cẩm Liên;

+ Trục kết nối phát triển phía Tây theo đường tỉnh 523E và đoạn 523E kéo dài về phía Nam nối đường Hồ Chí Minh, kết nối các xã Cẩm Tú, Cẩm Giang, Đô thị Cẩm Lương và Cẩm Liên.

5.2. Các phân vùng phát triển

a) Các phân vùng để kiểm soát, quản lý phát triển

- Tiểu vùng 1 (Vùng trung tâm): Phạm vi bao gồm Thị trấn Phong Sơn, các xã: Cẩm Châu, Cẩm Bình, Cẩm Giang, Cẩm Tú. Trung tâm tiểu vùng là Thị trấn Phong Sơn. Định hướng phát triển là Trung tâm hành chính – chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, du lịch. Là tiểu vùng tập trung phát triển về đô thị, công nghiệp và dịch vụ thương mại dựa trên sự phát triển của thị trấn Phong Sơn và các khu vực phát

triển công nghiệp như cụm công nghiệp thị trấn, CCN Cẩm Tú và CCN Cẩm Châu.

- Tiểu vùng 2 (Vùng phía Tây Bắc): Phạm vi bao gồm Đô thị Cẩm Lương, các xã: Cẩm Liên, Cẩm Thành, Cẩm Quý. Trung tâm tiểu vùng là Đô thị Cẩm Lương. Định hướng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, nông nghiệp hữu cơ, TTCN làng nghề và lâm nghiệp.

- Tiểu vùng 3 (Vùng Đông Nam): Phạm vi bao gồm Đô thị Cẩm Tân, các xã Cẩm Ngọc, Cẩm Long, Cẩm Phú, Cẩm Yên, Cẩm Tâm, Cẩm Vân. Trung tâm tiểu vùng là Đô thị Cẩm Tân. Định hướng phát triển nông nghiệp toàn diện (nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản), dịch vụ, thương mại, tiểu thủ công nghiệp làng nghề.

b) Các phân vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên

Các vùng kiểm soát, hạn chế phát triển bao gồm:

- Khu vực các di tích, danh thắng được xếp hạng.
- Khu vực cảnh quan nông nghiệp ven sông Mã, bảo vệ nguồn nước.
- Khu vực rừng phòng hộ, rừng tự nhiên;
- Khu vực các mỏ khai thác cát, sỏi và vật liệu xây dựng.
- Các khu vực đất Quốc phòng an ninh hiện có và các khu đất đã được quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (như: trường bắn, thao trường huấn luyện, khu tiếp nhận quân nhân dự bị, khu căn cứ chiến đấu, khu căn cứ hậu phương....).

5.3. Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn

5.3.1. Hệ thống đô thị

- Giai đoạn đến năm 2025: Toàn huyện có 01 đô thị là thị trấn Phong Sơn phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Dân số đô thị khoảng 22.000 người.

- Giai đoạn đến năm 2030: Toàn huyện có 03 đô thị, bao gồm thị trấn Phong Sơn, Đô thị Cẩm Tân, Đô thị Cẩm Lương. Cụ thể như sau:

+ Thị trấn Phong Sơn: Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phong Sơn. Quy mô diện tích khoảng 3.441,98 ha; dân số hiện trạng khoảng 18.803 người, dự báo dân số đến năm 2030 là 25.000 người. Tính chất: Là đô thị loại IV, là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính – chính trị, kinh tế văn hóa xã huyện của huyện Cẩm Thủy.

+ Đô thị Cẩm Lương: Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Cẩm Lương và một phần địa giới hành chính của các xã Cẩm Thạch, Cẩm Thành và Cẩm Bình. Quy mô diện tích khoảng 2800 ha; dân số hiện trạng khoảng 8.500 người, dân số phát triển đến năm 2030 khoảng 12.000 người. Tính chất: Là đô thị loại V, trung tâm kinh tế tiểu vùng phía Tây Bắc huyện Cẩm Thủy. Phát triển đô thị gắn với dịch vụ du lịch, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, nông nghiệp hữu cơ và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề sản xuất nông lâm nghiệp.

+ Đô thị Cẩm Tân: Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Cẩm Tân. Quy mô diện tích khoảng 1.502 ha; dân số hiện trạng khoảng 6.000 người, dân số phát triển đến năm 2030 khoảng 8.000 người. Tính chất: Là đô thị loại V, trung tâm kinh tế tiểu vùng phía Đông Nam của huyện Cẩm Thủy. Phát triển đô thị gắn với dịch vụ thương mại, nông nghiệp hữu cơ và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề sản xuất nông lâm nghiệp.

- Giai đoạn đến năm 2045:

Toàn huyện Cẩm Thủy có 03 đô thị: Thị trấn Phong Sơn (đô thị loại IV), dân số khoảng 30.000 người; Đô thị Cẩm Tân (loại V), dân số khoảng 18.000 người (sáp nhập thêm xã Cẩm Vân); Đô thị Cẩm Lương (loại V), dân số khoảng 15.000 người.

Phấn đấu đạt chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tương đương chỉ tiêu của đô thị loại IV tại 07 đơn vị hành chính: Thị trấn Phong Sơn, Đô thị Cẩm Tân, Đô thị Cẩm Lương và các xã (Cẩm Tú, Cẩm Bình, Cẩm Giang, Cẩm Ngọc).

5.3.2. Định hướng phát triển khu vực nông thôn

Định hướng phát triển đến năm 2025 đạt 100% các xã nông thôn mới, đạt huyện chuẩn nông thôn mới. Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

5.4. Phân bố và quy mô các không gian phát triển kinh tế

5.4.1. Không gian phát triển công nghiệp

- Hướng phát triển công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng để tạo đột phá trong phát triển kinh tế; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như; Sản xuất điện, chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi, hàng may mặc, giấy da.

- Định hướng phát triển cụm công nghiệp:

+ Đến năm 2030 toàn huyện có 03 CCN, với quy mô diện tích khoảng 100,43ha, gồm: CCN Cẩm Tú (quy mô khoảng 25,43ha); CCN Cẩm Châu (quy mô khoảng 25ha); CCN Cẩm Sơn (quy mô khoảng 50ha).

+ Giai đoạn sau 2030, bổ sung CCN Cẩm Tân (quy mô khoảng 15ha), toàn huyện có 04 CCN với quy mô diện tích khoảng 115,43ha.

- Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Trong giai đoạn tới hỗ trợ phục hồi các làng nghề, TTCN truyền thống của địa phương gắn kết phát triển về dịch vụ thương mại, du lịch:

+ Làng nghề dệt thổ cẩm xã Cẩm Lương.

+ Làng miến xã Cẩm Bình, Cẩm Liên.

5.4.2. Phân bố không gian phát triển nông, lâm nghiệp

- Định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp: Phát triển nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao. Tích tụ đất đai, sản xuất tập trung gắn với bao tiêu sản phẩm. Đảm Bảo an ninh lương thực và vệ sinh môi trường.

- Xác định nông nghiệp là nền tảng phát triển, nông nghiệp hữu cơ là mũi nhọn. Quy hoạch các vùng sản xuất nông lâm nghiệp như sau:

+ Vùng trồng trọt: Phát triển cây lương thực chủ yếu như: Lúa, ngô...; phát triển cây trồng hàng hóa, hoa màu có giá trị và năng suất cao (Mía, gai... Ót, bí...); phát triển các khu ứng dụng nông nghiệp CNC tại các xã có quỹ đất nông nghiệp lớn (Cẩm Quý, Cẩm Tú, Cẩm Bình, Cẩm Ngọc, Cẩm Vân); phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh phục vụ nhà máy dệt sợi (An Phước).

+ Chăn nuôi: Phát triển các khu trang trại tập trung theo định hướng phát triển nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện. Bố trí trang trại tập trung đảm bảo khoảng cách ly an toàn đến các khu vực dân cư.

+ Vùng nuôi trồng thủy, hải sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản ổn định phát triển gắn với bảo vệ môi trường nguồn nước.

- Bảo tồn và phát triển lâm nghiệp, trồng và bảo vệ rừng tự nhiên gắn với đảm bảo phòng cháy rừng.

5.4.3. Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan, bảo tồn

a) Định hướng phát triển du lịch:

Phát triển mạnh khu du lịch suối cá Cẩm Lương với các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái và các dịch vụ vui chơi giải trí và thể thao ngoài trời phục vụ khách du lịch (như sân tập golf, tennis, bể bơi ...) và các di tích danh thắng được xếp hạng cấp tỉnh. Phát huy, bảo tồn, phục hồi các làng nghề, lễ hội. Phát triển các sản phẩm đặc trưng. Hình thành các tua tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh.

* Loại hình, sản phẩm du lịch: Du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái; du lịch văn hóa, lễ hội; du lịch ẩm thực; du lịch mua sắm; du lịch nông nghiệp;

* Tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh

- Các tuyến du lịch trong tỉnh:

+ Thành phố Thanh Hóa - Chùa Giáng - Thành nhà Hồ - suối cá Cẩm Lương.

+ Thành phố Thanh Hóa – Suối cá Cẩm Lương – Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

+ Thành phố Thanh Hóa – Suối cá Cẩm Lương – Lam Kinh – Sầm Sơn.

+ Du lịch tuyến sông Mã (Suối cá Thần – Cửa Hà – Ngã Ba Bông)

- Các tuyến du lịch ngoài tỉnh:

+ Hà Nội - Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông - Suối cá Cẩm Lương – Sầm Sơn.

+ Hà Nội - Lam Kinh - Thành nhà Hồ - Suối cá Cẩm Lương– Sầm Sơn.

+ Hà Nội – Mai Châu - Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông - Suối cá Cẩm Lương – Sầm Sơn.

+ Cửa khẩu Na Mèo - Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông - Suối cá Cẩm Lương – Sầm Sơn.

+ Thành phố Hồ Chí Minh – Sân bay Thọ Xuân - Thành nhà Hồ - Suối cá Cẩm Lương– Sầm Sơn.

+ Cẩm Thủy – Cúc Phương (Ninh Bình) – Mai Châu (Hòa Bình).

b) Phân bố không gian các khu, điểm du lịch:

- Khu du lịch suối thần Cẩm Lương: quy mô khoảng 400ha;
- Khu du lịch hồ Thung Bằng: quy mô khoảng 50ha.
- Các điểm du lịch gắn với các công trình, di tích, danh thắng được xếp hạng: Động Cửa Hà, Chùa Chặng, Chùa Màu, Chùa Vọng... và một số điểm có cảnh quan đẹp như suối cá thần Cẩm Liên, các đập thủy điện.
- Các điểm du lịch nông nghiệp hữu cơ: tại các xã Cẩm Tú, Cẩm Bình, Cẩm Ngọc, Cẩm Tân, Cẩm Vân...

5.4.4. Không gian phát triển thương mại dịch vụ

- Định hướng về phát triển hệ thống chợ: Đến năm 2045, toàn huyện có 15 chợ, trên cơ sở 14 chợ hiện có bổ sung thêm chợ mới tại Cẩm Lương.
- Định hướng về phát triển hệ thống trung tâm thương mại: Phát triển 04 trung tâm thương mại tại các khu vực đô thị. Bố trí các khu thương mại tại các nút giao thông chính của các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh.

5.4.5. Hệ thống công trình y tế

- Nâng cấp bệnh viện huyện quy mô giường bệnh lên 350 giường bệnh.
- Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các trạm y tế cấp xã.
- Khuyến khích, phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân tại các đô thị.

5.4.6. Hệ thống công trình giáo dục

Về quy mô giữ nguyên số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo các cấp học theo hiện trạng là 59 trường. Tập trung ổn định các trường học trong hệ thống giáo dục hiện có từng bước cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo và tăng thêm lớp học tùy theo nhu cầu thực tế. Các công trình giáo dục cấp từ THCS trở xuống sẽ cụ thể hóa trong quy hoạch chung các đô thị.

5.4.7. Hệ thống công trình hành chính, thiết chế văn hóa - thể thao

a) Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính:

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp huyện: Từng bước đầu tư nâng cấp, cải tạo, di dời các công trình hành chính, cơ quan cấp huyện tạo hướng tiếp cận tốt và không gian kiến trúc, cảnh quan của khu trung tâm đồng bộ hiện đại, khang trang đáp ứng nhu cầu làm việc và phục vụ.
- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp xã, thị trấn: Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở UBND các xã.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan đô thị: Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

b) Hệ thống công trình thiết chế Văn hóa - Thể thao:

- Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến cấp xã, cấp thôn đảm bảo quy chuẩn; bố trí quỹ đất, ưu tiên đầu tư các tổ hợp các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao, công viên tại thị trấn.

- Hoàn chỉnh hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao theo tầng bậc ở các đô thị và các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.

5.4.8. Hệ thống các công trình Quốc phòng

Xây dựng hệ thống hầm hào, công sự trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương theo định hướng “Quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng phát triển giao thông

6.1.1. Quốc lộ

Tổng chiều dài các đường quốc lộ khoảng 67,48 km. Các tuyến Quốc lộ tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Cụ thể như sau:

- Đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Cẩm Tú đến Cẩm Châu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-4 làn xe.

- Quốc lộ 217 (đoạn từ Cẩm Thành đến Cẩm Tân) đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-4 làn xe.

- Quốc lộ 47B kéo dài, nâng cấp từ tuyến Đường tỉnh 518 (Đoạn từ Cẩm Tân đến Cẩm Châu) đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-6 làn xe.

6.1.2. Đường tỉnh

Tổng chiều dài các tuyến đường tỉnh khoảng 65,36km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 02-04 làn xe kết cấu nhựa. Cụ thể như sau:

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh 518B, 523B, 523C, 523E.

- Đầu tư xây dựng mới tuyến đường từ Cẩm Vân đi Cẩm Long (đoạn từ ĐT.518 đi QL217) theo tuyến Minh Sơn - Thành Minh (định hướng quy hoạch tỉnh). Đạt quy mô đường cấp III, quy mô 02-04 làn xe.

6.1.3. Đường huyện

Tổng chiều dài đường huyện khoảng 147,840km. Nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 02 làn xe. Cụ thể theo bảng sau:

Bảng thống kê quy hoạch hệ thống giao thông đường huyện

STT	Tên đường/bến xe	Ký hiệu	Cấp đường	Số làn xe	Chiều dài (km)	Ghi chú
	Tổng chiều dài đường huyện				147,840	
1	QL.217(Cắm Thành)- Phông Khánh	ĐH-01	IV	2	9,50	Nâng cấp
2	QL.217(Cắm Thành) - Làng Muốt	ĐH-02	IV	2	5,80	Nâng cấp
3	QL.217(Cắm Thành) - Cắm Liên	ĐH-03	IV	2	7,15	Nâng cấp
4	QL.217-ĐT.523E (Thị trấn - Cắm Giang)	ĐH-17	IV	2	5,00	Nâng cấp
5	QL.217(thị trấn) - Cắm Yên (TL.518B)	ĐH-05	IV	2	7,00	Nâng cấp
6	Đ.HCM (Cắm Phong) - QL.217 (Cắm Ngọc)	ĐH-06	IV	2	6,07	Nâng cấp
7	Cắm Tú - Cắm Quý - Lương Trung (Bá Thước)	ĐH-07	IV	2	11,82	Nâng cấp
8	QL.217 (Cắm Tân) - Cắm Long	ĐH-08	IV	2	11,60	Nâng cấp, Xây mới
9	QL.217 (Cắm Tân) - Cắm Phú	ĐH-09	IV	2	3,40	Nâng cấp, Xây mới
10	ĐT.518-518B (Cắm Tâm - Cắm Vân)	ĐH-10	IV	2	5,00	Nâng cấp
11	QL.217 - ĐT.523C (Cắm Tân - Cắm Ngọc)	ĐH-11	IV	2	8,70	Đầu tư mới
12	QL.217 - ĐT.523C (Cắm Tân - Cắm Phú - Cắm Long)	ĐH-12	IV	2	8,80	Đầu tư mới
13	QL.217 (Cắm Tân - Cắm Phú)	ĐH-13	IV	2	4,60	Nâng cấp, Xây mới
14	HCM-217 (Cắm Châu - Cắm Bình)	ĐH-14	IV	2	9,60	Đầu tư mới
15	Đường từ Cắm Thạch đi Quang Trung, Ngọc Lặc	ĐH-15	IV	2	7,40	Đầu tư mới

STT	Tên đường/bến xe	Ký hiệu	Cấp đường	Số làn xe	Chiều dài (km)	Ghi chú
16	ĐT.523E-523B (Cẩm Lương- Cẩm Quý)	ĐH-16	IV	2	5,00	Đầu tư mới
17	Đường vành đai phía Đông thị trấn Phong Sơn	ĐH-17	IV	2-4	11,5	Đầu tư mới
18	Đường Nam thị trấn Phong Sơn	ĐH-18	IV	2-4	4,3	Đầu tư mới
19	Đường tỉnh 518 kéo dài từ Cẩm Châu đi Cẩm Liên (Đoạn từ đường HCM đến đường nối QL217-QL15)	ĐH-19	IV	2-4	15,6	Đầu tư mới

6.1.4. Đường đô thị, đường xã

- Hệ thống đường cấp đô thị về lộ giới và cấp đường sẽ được quản lý theo quy hoạch chung các đô thị được duyệt và tuân thủ các cấp đường Quốc lộ, Đường tỉnh, đường huyện theo quy định.

- Hệ thống đường cấp xã quản lý được định hướng theo quy hoạch chung xây dựng xã. Các tuyến đường xây dựng mới đạt quy mô từ cấp V trở lên; các đoạn đường trực chính xã quy mô đạt cấp V trở lên.

- Đường thôn, xóm nâng cấp đạt quy mô cấp VI trở lên.

6.1.5. Giao thông tỉnh, giao thông công cộng

- Bến xe khách: Bố trí 03 bến tại thị trấn Phong Sơn, Đô thị Cẩm Tân, Đô thị Cẩm Lương.

- Hệ thống bãi đỗ xe đô thị: Được xây dựng kết hợp với các khu vực chức năng của đô thị, tùy theo nhu cầu cụ thể.

- Giao thông công cộng: Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới theo các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh; tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

6.1.6. Giao thông đường thủy nội địa

Quy hoạch hệ thống giao thông đường thủy nội địa qua huyện tuân thủ định hướng tại Đề án phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 4804/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa). Bố trí 05 bến thủy nội địa, trong đó:

- Nâng cấp, mở rộng bến Cẩm Vân (bến tổng hợp) tại xã Cẩm Vân.

- Đầu tư xây dựng mới: Bến Cẩm Thủy (Bến du lịch) tại Chùa Ngọc Sơn, thị trấn Phong Sơn; Bến trung chuyển khu vực đập thủy điện Cẩm Thủy 2 (bến tổng hợp) tại thị trấn Phong Sơn; Bến Cẩm Phong (Bến hàng hóa) tại thị trấn Phong Sơn; Bến Bến trung chuyển khu vực đập thủy điện Cẩm Thủy 1 (bến tổng hợp) tại xã Cẩm Bình.

6.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

6.2.1. Định hướng cao độ nền

Quy hoạch cao độ nền vùng huyện Cẩm Thủy cơ bản tôn trọng địa hình tự nhiên đảm bảo thoát nước mặt.

- Đối với khu vực đô thị cao độ quy hoạch tính toán cho từng đô thị, cụ thể:

+ Thị trấn Phong Sơn: cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} \geq +20,50m$;

+ Đô thị Cẩm Tân: cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} \geq +15,50m$;

+ Đô thị Cẩm Lương: cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} \geq +27,50m$.

- Đối với khu vực nông thôn, làng xóm cao độ nền đã ổn định khó khăn trong việc nâng cao thêm nền do đó sẽ giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng và cần bổ sung thêm các tuyến cống thoát nước với độ sâu cống phù hợp tránh hiện tượng úng ngập xảy ra.

6.2.2. Định hướng thoát nước mặt

Hướng thoát nước chính theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Toàn huyện phân chia thành 02 lưu vực tiêu thoát nước mặt:

- Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc sông Mã (Phần Tả sông Mã) thoát theo hướng Đông Bắc – Tây Nam đổ xuống sông Mã.

- Lưu vực 2: Khu vực phía Nam sông Mã thoát theo hướng Tây nam - Đông Bắc, đổ xuống sông Mã.

6.3. Định hướng cấp nước

6.3.1. Cấp nước sinh hoạt

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực vùng huyện lấy từ hệ thống sông Mã là nguồn cấp nước cho toàn huyện.

- Nhu cầu dùng nước: Nhu cầu cấp nước huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 là 20.000 m³/ngđ. Đến năm 2045 là 24.000 m³/ngđ.

- Nhà máy nước: Dự kiến bố trí 05 nhà máy nước. Cụ thể như sau: Mở rộng, nâng công suất NMN thị trấn Phong Sơn công suất khoảng 3.000 (m³/ngđ) và NMN Cẩm Vân công suất khoảng 3.000 (m³/ngđ). Đầu tư xây dựng mới NMN Cẩm Tú công suất khoảng 8.000 (m³/ngđ); NMN Cẩm Tân công suất khoảng 4.000 (m³/ngđ) và NMN Cẩm Thạch công suất khoảng 6.000 (m³/ngđ).

- Mạng lưới cấp nước: Sử dụng đường ống cấp nước HPDE, được quy hoạch ngầm dọc theo các trục đường giao thông. Chi tiết thông số mạng lưới đường ống cấp nước sẽ được triển khai chi tiết trong các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết.

6.3.2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp

- Nạo vét cho các trục dẫn nước chính, kiên cố hệ thống kênh mương nội đồng gắn với phát triển nông thôn mới. Với phương án tạo nguồn nước, kênh trục dẫn nước và phương án nội đồng sẽ tưới và cấp nguồn tăng thêm cho vùng.

- Nâng cấp 19 hồ, 42 đập, 10 trạm bơm hiện có. Đầu tư xây dựng mới 8 hồ, 7 trạm bơm.

- Định hướng dự án đập thủy điện, thủy lợi Cẩm Hoàng phục vụ cấp nước tưới cho khu vực huyện Cẩm Thủy và vùng Bắc sông Mã.

6.4. Định hướng cung cấp năng lượng

6.4.1. Định hướng cấp điện

- Nhu cầu sử dụng điện: Đến năm 2030 nhu cầu sử dụng điện khoảng 59 (MVA). Đến năm 2045 nhu cầu sử dụng điện khoảng 67 (MVA).

- Nguồn điện: Huyện Cẩm Thủy được cấp điện từ hệ thống lưới điện Quốc Gia thông qua trạm 110kV Cẩm Thủy công suất S = 40MVA-110/35/22kV.

- Trạm biến áp: Đến năm 2030 nâng công suất từ S = 40MVA lên S = 2x40 MVA. Đến năm 2045 nâng công suất từ S = 2x40MVA lên S = 2x63 MVA. Các trạm trong biến áp phụ tải của từng nhà máy tham gia vào khu công nghiệp do bản thân nhà máy lựa chọn công suất.

- Lưới điện: Tuyến điện 110kV từ thủy điện Bá Thước 2 tới trạm 110kV Cẩm Thủy rồi tới trạm liên cấp 220(110) Bim Sơn chạy qua khu vực khoảng 12km. Tuyến điện 110kV từ thủy điện Cẩm Thủy 1 tới trạm liên cấp 220(110) Bim Sơn chạy qua khu vực với tổng chiều dài khoảng 10km. Lưới điện trung áp 35kV, 22kV: Toàn huyện được cấp điện bởi lưới điện 35kV và 22kV từ trạm 110kV Cẩm Thủy và có liên hệ mạch vòng với các trạm 110kV Ngọc Lặc. Phát

triển lưới điện 22kV tại khu vực đô thị. Nâng cấp, thay thế lưới 10kV hiện có lên cấp điện áp 22kV.

6.4.2. Năng lượng tái tạo: Duy trì Thủy điện Cẩm Thủy 1; Xây dựng mới các dự án Đập thủy điện, thủy lợi Cẩm Hoàng, Nhà máy điện sinh khối (tại CCN Cẩm Sơn, thị trấn Phong Sơn) và Nhà máy năng lượng mặt trời Cẩm Thủy.

6.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông: Từng bước chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phục vụ chuyển đổi số theo kế hoạch số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nhu cầu đường dây thuê bao đến năm 2045 toàn huyện khoảng 44.850 đường dây thuê bao.

- Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Nâng cấp, chỉnh trang các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện có.

- Trạm chuyển mạch và trạm truy nhập quang: Nâng cấp, cải tạo các trạm hiện có đáp ứng nhu cầu.

- Trạm viễn thông (BTS): Duy trì số lượng trạm BTS hiện có, các trạm BTS xây dựng mới sẽ được tính toán cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị, các xã trên địa bàn huyện.

- Hệ thống cáp viễn thông: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tuyến cáp cắt ngang, tại các ngã tư, nút giao thông. Các tuyến cáp phải bố trí dọc theo các trục giao thông, dành quỹ đất để xây dựng công trình hạ tầng viễn thông.

- Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thụ động: Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới khoảng 150m²; Diện tích xây dựng cột ăng ten khoảng 80 m² (cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã trên địa bàn).

6.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

6.6.1. Định hướng thoát nước thải

- Nhu cầu thoát nước thải: Đến năm 2030 khoảng 8.500m³/ngđ, đến năm 2045 khoảng 11.500m³/ngđ.

- Giải pháp xử lý nước thải:

+ Bố trí 05 trạm xử lý nước thải tại (XLNT) các đô thị, cụ thể như sau: Nhà máy XLNT Thị trấn Phong Sơn, công suất: 5.000 m³/ngđ; Nhà máy XLNT Đô thị Cẩm Lương, công suất: 1.600 m³/ngđ; Nhà máy XLNT Đô thị Cẩm Tân, công suất: 2.200 m³/ngđ; Nhà máy XLNT tại Cẩm Tú, công suất: 1.400 m³/ngđ; Nhà máy XLNT tại Cẩm Châu, công suất: 1.300 m³/ngđ;

+ Đối với khu vực nông thôn các hộ dân cư xây dựng bể tự hoại, đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, trang trại được xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường.

6.6.2. Định hướng quy hoạch chất thải rắn

- Nhu cầu chất thải rắn phát sinh: Đến năm 2030 khối lượng phát sinh khoảng 100 (Tấn/ngđ). Đến năm 2045 khối lượng phát sinh khoảng 120 (Tấn/ngđ).

- Khu xử lý rác thải: bố trí khu XLRT tập trung tại thị trấn Phong Sơn với quy mô 3,6ha. Các khu vực khác bố trí các khu trung chuyển tập kết rác đưa về khu xử lý tập trung.

6.6.3. Định hướng quy hoạch nghĩa trang

Bố trí khu nghĩa trang tập trung tại thị trấn Phong Sơn với quy mô 20ha. Đối với các đô thị, xã trên địa bàn bố trí 1-2 khu nghĩa trang sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã.

6.7. Giải pháp phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH)

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm của huyện Cẩm Thủy.

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu trong nông nghiệp, nông thôn khoa học, tiết kiệm nước, kết hợp chuyên đổi một số loài cây trồng, thời vụ trồng ít sử dụng tới nguồn nước; Có giải pháp lưu trữ nguồn nước sạch và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho các hoạt động dân sinh, chống ngập úng tại các khu vực đô thị, dân cư tập trung;

- Ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, sản xuất; áp dụng tiêu chuẩn trong xây dựng phù hợp với BĐKH; nâng cấp hạ tầng giao thông, cấp thoát nước.

- Hoàn thiện hệ thống cảnh báo nguy cơ xảy ra các hiện tượng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, cháy rừng; Quy hoạch, chủ động di dời, sắp xếp lại các khu dân cư, cụm dân cư phòng chống rủi ro, thiên tai;

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp thích ứng với điều kiện của BĐKH;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng dân cư nâng cao nhận thức, năng lực để ứng phó với tác động của BĐKH.

7. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước biển ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, nguồn lực thực hiện và giải pháp thực hiện quy hoạch

8.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Nhóm dự án công nghiệp: Tập trung phát triển ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi, hàng may mặc, giấy da.

- Nhóm dự án nông nghiệp: Tập trung phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an ninh lương thực, với các sản phẩm có lợi thế như: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây gỗ lớn, cây dược liệu.

- Nhóm dự án đô thị: bao gồm các dự án xây dựng khu đô thị tại thị trấn Cẩm Thủy, đô thị Cẩm Tân, Đô thị Cẩm Lương.

- Nhóm dự án về du lịch: Phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng gắn với phát triển du lịch cộng đồng (đặc biệt tại khu du lịch suối cá thần Cẩm Lương).

- Nhóm dự án hạ tầng kinh tế - xã hội: bao gồm các dự án bảo quản, tu bổ di tích; xây dựng khu quần thể trung tâm văn hóa thể thao huyện, các cơ sở giáo dục, y tế; các dự án đầu tư phát triển du lịch.

- Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật: bao gồm các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, hệ thống giao thông (đặc biệt là các tuyến được quy hoạch thành quốc lộ, các tuyến liên kết vùng), các nhà máy cấp nước liên xã, các trạm biến áp 110KV.

- Nhóm dự án môi trường: bao gồm các dự án xây dựng khu xử lý CTR cấp huyện, các khu xử lý nước thải cho các đô thị, các hồ điều hòa.

8.2. Nguồn lực thực hiện

- Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội sử dụng nguồn vốn nhà nước và huy động nguồn vốn xã hội hóa.

- Các dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị, cụm công nghiệp, khu du lịch và một số dự án hạ tầng khác sử dụng nguồn vốn xã hội hóa trên cơ sở kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ để xuất bản, đóng dấu, lưu trữ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch được duyệt trong thời gian 15 kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ, thực hiện đầu tư quỹ đất theo quy hoạch được duyệt.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H3.(2022)QDPĐ QH VH Cam Thủy

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm